

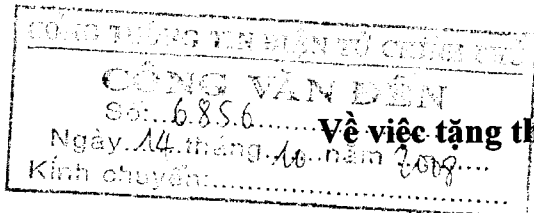
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 1488 /QĐ - TTg

Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2008



QUYẾT ĐỊNH

Về việc tặng thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 121/2005/NĐ-CP ngày 30 tháng 9 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (Tờ trình số 4732/TTr-BQP ngày 15 tháng 9 năm 2008) và Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương (Tờ trình số 1413/TTr-BTĐKT ngày 29 tháng 9 năm 2008),

QUYẾT ĐỊNH:

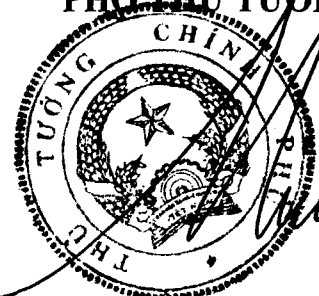
Điều 1. Tặng thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho 84 tập thể và 8 cá nhân (có danh sách kèm theo), đã có thành tích trong công tác từ năm 2003 đến năm 2007, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Điều 2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Trưởng ban Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, các tập thể và cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Bộ Quốc phòng;
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW;
- VPCP: BTCN Nguyễn Xuân Phúc;
- TTĐT;
- Lưu: Văn thư, TCCV (3b). 10

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Sinh Hùng

DANH SÁCH TẶNG BẢNG KHIẾN CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 14.13/QĐ-TTg, ngày 13 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ)



TẬP THỂ:

1. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bắc Ninh thuộc Quân khu 1, Bộ Quốc phòng;
2. Phòng Phòng không thuộc Bộ Tham mưu, Quân khu 1, Bộ Quốc phòng;
3. Trường Quân sự thuộc Quân khu 3, Bộ Quốc phòng;
4. Ban Chỉ huy Quân sự huyện Phù Cừ, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Hưng Yên, Quân khu 3, Bộ Quốc phòng;
5. Ban Chỉ huy Quân sự thành phố Nam Định thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Nam Định, Quân khu 3, Bộ Quốc phòng;
6. Ban Chỉ huy Quân sự huyện Kiến Thụy thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố Hải Phòng, Quân khu 3, Bộ Quốc phòng;
7. Ban Chỉ huy Quân sự huyện Vĩnh Bảo thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố Hải Phòng, Quân khu 3, Bộ Quốc phòng;
8. Ban Chỉ huy Quân sự quận Ngô Quyền thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố Hải Phòng, Quân khu 3, Bộ Quốc phòng;
9. Ban Chỉ huy Quân sự quận Lê Chân thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố Hải Phòng, Quân khu 3, Bộ Quốc phòng;
10. Ban Chỉ huy Quân sự huyện Ninh Giang thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Hải Dương, Quân khu 3, Bộ Quốc phòng;
11. Ban Chỉ huy Quân sự huyện Kim Thành thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Hải Dương, Quân khu 3, Bộ Quốc phòng;
12. Ban Chỉ huy Quân sự huyện Mai Châu thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Hoà Bình, Bộ Quốc phòng;
13. Cụm kho 22 thuộc Cục Kỹ thuật, Quân khu 3, Bộ Quốc phòng;
14. Cụm kho 23 thuộc Cục Kỹ thuật, Quân khu 3, Bộ Quốc phòng;
15. Phòng Chính trị thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố Hải Phòng, Quân khu 3, Bộ Quốc phòng;
16. Phòng Quân huấn thuộc Bộ Tham mưu, Quân khu 3, Bộ Quốc phòng;
17. Phòng Tham mưu thuộc Cục Kỹ thuật, Quân khu 3, Bộ Quốc phòng;
18. Phòng Quân khí thuộc Cục Kỹ thuật, Quân khu 3, Bộ Quốc phòng;
19. Đoàn Kinh tế Quốc phòng 337 thuộc Quân khu 4, Bộ Quốc phòng;
20. Khoa Bệnh chủng thuộc Trường Quân sự, Quân khu 5, Bộ Quốc phòng;

21. Phòng Tuyên huấn thuộc Cục Chính trị, Quân khu 5, Bộ Quốc phòng;
22. Phòng Quân nhu thuộc Cục Hậu cần, Quân khu 5, Bộ Quốc phòng;
23. Phòng Tài chính thuộc Cục Hậu cần, Quân khu 5, Bộ Quốc phòng;
24. Phòng Khoa học Công nghệ và môi trường thuộc Bộ Tham mưu, Quân khu 5, Bộ Quốc phòng;
25. Sư đoàn Bộ binh 5 thuộc Quân khu 7, Bộ Quốc phòng;
26. Lực lượng vũ trang tỉnh Long An thuộc Quân khu 7, Bộ Quốc phòng;
27. Lực lượng vũ trang huyện Bến Cầu thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Tây Ninh, Quân khu 7, Bộ Quốc phòng;
28. Lực lượng vũ trang huyện Tân Hưng thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Long An, Quân khu 7, Bộ Quốc phòng;
29. Phòng Đối ngoại thuộc Bộ Tham mưu, Quân khu 7, Bộ Quốc phòng;
30. Cơ quan Kiểm tra Đảng Quân khu 7, Bộ Quốc phòng;
31. Phòng Tuyên huấn thuộc Cục Chính trị, Quân khu 7, Bộ Quốc phòng;
32. Công ty Sản xuất, Thương mại, Xuất nhập khẩu Tây Nam thuộc Quân khu 7, Bộ Quốc phòng;
33. Khoa Lái xe thuộc Trường Trung cấp nghề số 9, Quân khu 9, Bộ Quốc phòng;
34. Phòng Chính trị thuộc Lữ đoàn Pháo Phòng không 226, Quân khu 9, Bộ Quốc phòng;
35. Phòng Chính trị thuộc Cục Kỹ thuật, Quân khu 9, Bộ Quốc phòng;
36. Phòng Xe - Máy thuộc Cục Kỹ thuật, Quân khu 9, Bộ Quốc phòng;
37. Phòng Cán bộ thuộc Cục Chính trị Quân khu 9, Bộ Quốc phòng;
38. Phòng Vở tàu thuộc Viện Kỹ thuật Hải quân, Quân chủng Hải quân, Bộ Quốc phòng;
39. Phòng Vật tư Hải quân thuộc Cục Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân, Bộ Quốc phòng;
40. Phòng Xe máy thuộc Cục Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân, Bộ Quốc phòng;
41. Phòng Quân khí thuộc Cục Kỹ thuật, Quân chủng Hải quân, Bộ Quốc phòng;
42. Phòng Chính trị thuộc Vùng 5 Hải quân, Quân chủng Hải quân, Bộ Quốc phòng;
43. Đại đội Pháo Phòng không 24 thuộc Đảo Thổ Chu, Vùng 5 Hải quân, Quân chủng Hải quân, Bộ Quốc phòng;
44. Phòng Công binh thuộc Bộ Tham mưu, Quân đoàn 1, Bộ Quốc phòng;
45. Phòng Tài chính thuộc Cục Hậu cần, Quân đoàn 1, Bộ Quốc phòng;

46. Phòng Tài chính thuộc Bộ Tổng Tham mưu, Bộ Quốc phòng;
47. Phòng Kiểm tra khối Cơ quan, Nhà trường thuộc Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Đảng uỷ Quân sự Trung ương, Tổng cục Chính trị, Bộ Quốc phòng;
48. Phòng Dân vận thuộc Cục Dân vận, Tổng cục Chính trị, Bộ Quốc phòng;
49. Phòng Tuyên giáo - Thi đua thuộc Ban Công đoàn Quốc phòng, Tổng cục Chính trị, Bộ Quốc phòng;
50. Viện Thuốc phóng, Thuốc nổ thuộc Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng, Bộ Quốc phòng;
51. Phòng Chính trị thuộc Cục 25, Tổng cục II, Bộ Quốc phòng;
52. Phòng 1 thuộc Cục 16, Tổng cục II, Bộ Quốc phòng;
53. Bộ đội Biên phòng tỉnh Phú Yên thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Bộ Quốc phòng;
54. Bộ Tham mưu, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng;
55. Phi đội 1, Trung đoàn Không quân 954, Sư đoàn 372, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng;
56. Công ty Thiết kế và Tư vấn xây dựng Công trình hàng không ADCC, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng;
57. Phòng Xăng dầu, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng;
58. Phòng Quân y, Cục Hậu cần, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng;
59. Tiểu đoàn 57, Trung đoàn Tên lửa 261, Sư đoàn Phòng không 367, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng;
60. Đại đội 23, Trung đoàn Pháo Phòng không 230, Sư đoàn Phòng không 367, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng;
61. Đoàn Nghệ thuật, Cục Chính trị, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng;
62. Phòng Chính trị, Sư đoàn Phòng không 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng;
63. Đại đội 21, Trung đoàn Pháo Phòng không 218, Sư đoàn Phòng không 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng;
64. Tiểu đoàn 78, Trung đoàn Tên lửa 257, Sư đoàn Phòng không 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng;
65. Tiểu đoàn 62, Trung đoàn Tên lửa 236, Sư đoàn Phòng không 361, Quân chủng Phòng không-Không quân, Bộ Quốc phòng;
66. Phòng Chính trị thuộc Bộ Tham mưu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Quốc phòng;

67. Khoa Quân sự chung thuộc Trường Sĩ quan Tăng-Thiết giáp, Binh chủng Tăng-Thiết giáp, Bộ Quốc phòng;

68. Xưởng Sửa chữa Thông tin thuộc Bộ Tham mưu, Binh chủng Tăng-Thiết giáp, Bộ Quốc phòng;

69. Phòng Quân huấn-Nhà trường thuộc Bộ Tham mưu, Binh chủng Tăng-Thiết giáp, Bộ Quốc phòng;

70. Phòng Quân lực thuộc Bộ Tham mưu, Binh chủng Tăng-Thiết giáp, Bộ Quốc phòng;

71. Đại đội 1 Công binh thuộc Bộ Tham mưu, Binh chủng Tăng-Thiết giáp, Bộ Quốc phòng;

72. Tiểu đoàn 3 thuộc Lữ đoàn Xe tăng 201, Binh chủng Tăng-Thiết giáp, Bộ Quốc phòng;

73. Phòng Kỹ thuật, Lữ đoàn Xe tăng 215, Binh chủng Tăng-Thiết giáp, Bộ Quốc phòng;

74. Khoa Cơ tăng thuộc Trường Kỹ thuật Tăng-Thiết giáp, Binh chủng Tăng-Thiết giáp, Bộ Quốc phòng;

75. Phòng Cán bộ thuộc Cục Chính trị, Binh chủng Tăng-Thiết giáp, Bộ Quốc phòng;

76. Phòng Xăng dầu thuộc Cục Hậu cần, Binh chủng Tăng-Thiết giáp, Bộ Quốc phòng;

77. Phòng Chính trị thuộc Cục Kỹ thuật, Binh chủng Tăng-Thiết giáp, Bộ Quốc phòng;

78. Phòng Tham mưu thuộc Trường Hạ Sĩ quan Xe tăng 2, Binh chủng Tăng-Thiết giáp, Bộ Quốc phòng;

79. Cục Hậu cần, Binh chủng Công binh, Bộ Quốc phòng;

80. Lữ đoàn 72 thuộc Binh chủng Công binh, Bộ Quốc phòng;

81. Bộ Tham mưu thuộc Binh chủng Công binh, Bộ Quốc phòng;

82. Phòng Chính trị thuộc Lữ đoàn 249, Binh chủng Công binh, Bộ Quốc phòng;

83. Tiểu đoàn 1 thuộc Lữ đoàn 72, Binh chủng Công binh, Bộ Quốc phòng;

84. Khoa Triết học thuộc Học viện Chính trị Quân sự, Bộ Quốc phòng;

Đã có thành tích trong công tác từ năm 2005 đến năm 2007, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

CÁ NHÂN:

1. Thiếu tá Đỗ Minh Đẩu, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Bộ binh 1, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bạc Liêu, Quân khu 9, Bộ Quốc phòng;

2. Đại tá Nguyễn Đăng Nghiêm, Tổng Giám đốc Công ty Tân cảng Sài Gòn, Quân chủng Hải quân, Bộ Quốc phòng;

3. Thiếu tá Chuyên nghiệp Võ Văn Bình, Trợ lý Ban Tài chính, Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 171, Quân chủng Hải quân, Bộ Quốc phòng;

4. Thiếu tá Chuyên nghiệp Nguyễn Trọng Quyền, Lái xe Phòng Hậu cần, Lữ đoàn 972, Cục Vận tải, Tổng cục Hậu cần, Bộ Quốc phòng;

5. Đại tá Đỗ Đông Phú, Trưởng phòng Phòng Tài chính Tổng cục II, Bộ Quốc phòng;

6. Trung tá Ngô Tiến Mùa, Trợ lý Phòng Tuyên huấn, Cục Chính trị, Binh chủng Tăng-Thiết giáp, Bộ Quốc phòng;

7. Thiếu tá Hoàng Minh Tuấn, Nhân viên Ban Hậu cần thuộc Cục Hậu cần, Binh chủng Tăng-Thiết giáp, Bộ Quốc phòng;

8. Đại úy Trần Văn Tuấn, Phó Tiểu đoàn trưởng - Tham mưu trưởng Tiểu đoàn 3, Lữ đoàn 249, Binh chủng Công binh, Bộ Quốc phòng.

Đã có thành tích trong công tác từ năm 2003 đến năm 2007, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc./.